

Re: Nguyen Bao. IV:046-950/H26-117  
Interviewed: Jan.29, 1994.

Dear Sir,

I would like to request a review of my case. I was denied admission to the U.S as a refugee on the ground that I do not meet the statutory definition of refugee in INA Section 101(a)42. The basis for my request for a review is that I was not aware of the special evidentiary procedure for implementing the Lautenberg Amendment, Section 599D of Public Law 101-167, for adjudication of the refugee status of Vietnamese citizens.

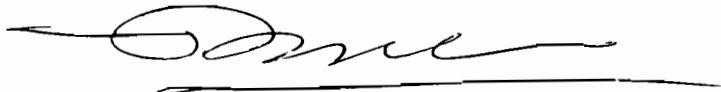
In accordance with the procedure established in the INS Guidelines for Overseas refugee Processing for the implementation of the Lautenberg Amendment, I state that :

1. I belong to the following Lautenberg categories:
  - Category b: I was part of the Armed Forces of South VietNam
  - Category c: I am catholic.
  - Category e: I was trained in the U.S (document enclosed).
  - Category f: I was re-educated after April 1975.
2. I assert that I have a fear of persecution.
3. I assert a ''credible basis for concern'' based on past persecution that I have experienced as follows:
  - I spent over 3 years in re-education camp (document enclosed)
  - I was forced to do dangerous work such as removing and disarming mines and bombs.
  - I was shadowed closely by the security and subjected to harassment for a long time.

Based on the above, I am requesting a review of my case under the Lautenberg Amendment. I was not aware of this statutory provision and therefore did not know that I had to make the above statements in the manner prescribed by the amendment.

I would like to pay our great thanks to you and look forward to your reply of the re-consideration of my case.

Sincerely Yours.



Nguyen Bao  
Thanh Son 1b,  
Thi tran Phuoc Buu  
Huyen Xuyen Moc  
Ba Ria-Vung Tau.  
VIETNAM.

enclosures.

BO NOI VU  
TY C.A BINH TRI THIEN

Số: 283 /QĐ

CONG HOA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 1978

LENH - THA

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22 tháng 8 năm 1977  
của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh-sy, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đang khai phanh đồng hiện đang bị tập trung giáo dục cải tạo và thông tư liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07 ngày 29 tháng 12 năm 1977.

Thi hành quyết định số 2728/QĐ ngày 17 tháng 10 năm 1978 của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh  
Tri-Thanh.

TRƯỞNG TY TỔNG CÁ BINH TRI THIEN

RA LENH - THA

Họ và tên: Nguyễn Bảo Bí danh:

Năm tháng năm sinh: 1951

Quê quán: Trại lính Phong Thu, Huyện Tiên Bối

Trú quán: (kt)

Cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ: nhân viên khu trại n. quân.

Khi về, phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, Công an xã Phong Thu và Công an huyện Móng Cái thuộc tỉnh B.T.T và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày trình diện này và phải tuân theo các quy định của Ủy ban nhân dân cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

KT/ TRƯỞNG TY CÁ BINH TRI THIEN  
Phó TRƯỞNG TY

Ngón tay phải



TRẦN SƠN HUYỀN

CÔNG AN TỈNH THỦ THIÊM

Xác nhận lệnh tra của anh Nguyễn Bảo sinh năm 1951 là sao y  
chánh bản. Ông ta vào trại cải tạo ngày 14-6-1975 và bị than  
gia trong bộ máy chính quyền cũn chế độ cũ.

SAO Y BẢN CHÍNH

XUYÊN MỘC Ngày 23.7.1993



CHỦ TỊCH

Đinh Văn Trường

TL giám đốc Cty Thủ Thiêm-Khu

Taylor phong

Cat

QUYEN: 9.....  
Số: 2482

SAN JOSE, CA. October 16, 1998

The Director of the O.D.F. American Embassy  
127 South Sathorn Tai rd. Bangkok-10120-THAILAND.

C/o: Honorable TOM CAMPBELL, US House of Representatives,  
2442 Rayburn House office building - WASHINGTON DC.20515.

## CERTIFICATE

We undersign:

1) QUI TRAN, DOB: 10/03/44. SS# A# 073326012.

Address: \_\_\_\_\_

Telephone: \_\_\_\_\_

Came in the USA on 02/22/94. H.O. 20

On the Date of Oct. 19, 1998

At SANTA CLARA County  
CALIFORNIA State

2) GIAP MAI, DOB: 02/01/38. SS# A# 074508177.

Address: \_\_\_\_\_

Telephone: \_\_\_\_\_

Came to the USA on 01/17/96 H.O. RS 1586

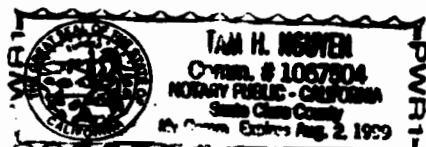
*Tam Nguyen*  
Notary Public: TAM H. NGUYEN

3) KHANG VO, DOB: 02/01/54. SS# A# 074491957

Address: \_\_\_\_\_

Telephone: \_\_\_\_\_

Came to the USA on 06/14/95. H.O. 35



4) TRO NGUYEN, DOB: 02/27/43. SS# A# 074460631.

Address: \_\_\_\_\_

Telephone: \_\_\_\_\_

Came to the USA on 09/21/94. H.O. 26

We imprisoned in the same communist re-education camp at BINH DIEN, THUA THIEN province from MAY 01, 1975. We all know exactly that BAO NGUYEN, was the former rank Navy of SOUTH VET NAM. He entered the camp of detention in communist Jail from Jun 14, 1975 to Nov. 15, 1978. Place of detention BINHDIEN camp, THUA THIEN province.

BAO NGUYEN is permitted to leave VET NAM for the USA according to the Orderly Departure Program (H.O.26). 1V1046 - 950.

He really needs our letter of verification to submit to the O.D.P. official in BANGKOK.

We guarantee that the foresight information is true.

Please be so kind of you to help our friend and his family to pertain the admittance as soon as possible.

Sincerely,

1) QUI TRAN:

2) GIAP MAI:

3) KHANG VO:

4) TRO NGUYEN:

San Jose, 6 tháng 8/1999.

Kính thưa Bà,

Anh Nguyễn Bảo, nay còn tên khâm  
Chinh tri cũng một trai tu với Anh em chúng tôi,  
nhưng không được may mắn tài tình cùi <sup>2</sup> Mèo vī  
tưởng dồn bị bắt nốt cái oan ức <sup>2</sup> trong trại  
phỏng vấn ngày 29.1.1994 tại Saigon.

Anh Nguyễn Bảo có nỗi chung tôi gởi  
thú này và những ngày té cùn thất để kính nêu rõ  
mystic và sự tận tình quý tử của Bà, xin can thiệp  
về số đi trú tái xét cho trại hè của Anh  
Nguyễn Bảo cho được thỏa đáng hơn.

Trong quá trình, Anh Nguyễn Bảo  
đã nhiều lần làm đơn gửi Văn phòng ODI Bangkok  
nhưng không có kết quả.

Bên đây anh em chúng tôi cũng để  
tôi gửi Bà the và hò sơ cái này nay tháng 8/99. Nay  
điều biết Văn phòng qua đinl Hội Cứu Tú Nhân Ái  
đóng cửa vào tháng 9/99 này. Nên anh em chúng tôi  
hết lòng trông mong cho Anh Nguyễn Bảo có kết quả.  
Vì vậy nết lâm mưu xin được thỉnh cầu Bà thay  
giúp cho Anh Nguyễn Bảo có cơ hội chót tắt điều  
nguyệt vong. Xin thành thật cảm ơn Bà và cảm ơn Bà  
cùng quý quan và sự an lâm:/ Kính thưa,

Đại diện: TRAN QUY

Phone:

THE IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE  
OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Dear/Kính gửi Nguyen Baot wife IV# H26-171  
(OIP applicant/Tên người đăng đơn)

1)  We regret we are unable to approve your application for refugee resettlement admission to the United States.

To be resettled in the United States as a refugee, an applicant must meet the statutory definition of refugee contained in section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA), as amended. Refugee status can be approved only if the applicant establishes a credible claim of persecution or a well-founded fear of persecution on account of race, religion, nationality, membership in a particular social group, or political opinion. Additionally, all applicants for refugee status in the United States must establish that they are not precluded from entry into the United States under other sections of law.

During your interview with an officer of the United States Immigration and Naturalization Service (INS), your claim to having been persecuted or having a well-founded fear of persecution was reviewed. At that time, you were given the opportunity to present evidence, documentation, and/or an accumulation of detail through verbal testimony of the events or circumstances that support your claim of persecution or a well-founded fear of persecution. After carefully reviewing your account of these events and surrounding circumstances, it has been determined that you do not qualify for refugee status.

2)  You may be eligible for Public Interest Parole (see attached letter).

3)  We are unable to approve your application for resettlement in the United States under the Public Interest Parole program because you do not meet the criteria indicated below:

3a)  Married sons and daughters (of former re-education camp detainees who are eligible as refugees) must have approved petitions filed on their behalf, or on behalf of their spouse, by a sibling or closer relation who is currently residing in the United States, who is willing to pay transportation costs, and who demonstrates that he/she has the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3b)  Former US government or private company employees who are not eligible for refugee status may be considered for public interest parole only if they have siblings or closer relations currently residing in the United States who are willing to pay transportation costs and demonstrate that they have the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3c)  Unmarried children of former US government or private company employees who are approved as Public Interest Parolees are allowed to accompany their parents to the United States only if the children are under the age of twenty-one.

3d)  Persecution not established

Officer of the US Immigration and Naturalization Service  
Viên Chức Sở Di Trú Nhập Cư Và Nhập Tịch Hoa Kỳ

Applicant Copy

US INTERVIEW TEAM

29/11/1994

TO: \_\_\_\_\_ CITY \_\_\_\_\_

Date/Ngày \_\_\_\_\_

INS-1

Refugee/PIP denial (12/92)

Bangkok, Thailand  
Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự

Ngày: 16 OCT. 1998

Gửi đương đơn ODP:

Đơn xin định cư của Ông/Bà có trong hồ sơ với Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự Hoa Kỳ (ODP) đã bị một viên chức của Sở Di Trú và Nhập Tịch Hoa Kỳ (INS) từ chối trong buổi phỏng vấn ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư này xin báo cho Ông/Bà biết rằng vì đơn xin của Ông/Bà đã bị từ chối, nên ODP không còn phụ trách việc cứu xét nữa. Hồ sơ và tất cả các giấy tờ liên quan đến đơn xin của Ông/Bà đã được chuyển cho Văn phòng Địa hạt INS tại Bangkok, Thailand.

Tất cả những thư từ trong tương lai liên quan đến đơn xin của Ông/Bà phải được gửi thẳng đến INS theo địa chỉ sau đây:

**US Immigration and Naturalization Service  
93/1 Wireless Road  
Diethlem Tower B, Room 114/1  
Bangkok 10330 Thailand**

Đính kèm là các giấy tờ bản chính, nếu có, từ hồ sơ của Ông/Bà. Các bản sao đã được lưu vào hồ sơ.

Trân trọng kính chào Ông/Bà

Dewey Pendergrass  
Giám Đốc và Trưởng Lãnh Sự  
Chương Trình Ra Đi Có Trật Tự Hoa Kỳ

Tran Quy

) - vien can thiệp cho  
bản cá quyền Bảo hộ  
tự do và Persecution not established  
và tạo từ 14-6-75 đến 15-11-78.



17/8/99

Mrs. KHTUC MINH THO

AUG 07 1999

22043+3418

SAN JOSE, CA. October 16, 1998

The Director of the O.D.F. American Embassy  
127 South Sathorn Tai rd. Bangkok-10120-THAILAND.

C/o: Honorable TOM CAMPBELL, US House of Representatives,  
2442 Rayburn House office building – WASHINGTON DC. 20515.

## CERTIFICATE

We undersign:

1) QUI TRAN, DOB: 10/03/44. [REDACTED] A# 073326012.

Address:

Telephone

Came in the USA on 02/22/94. H.O. 20

2) GIAP MAI, DOB: 02/01/38. [REDACTED] A# 074508177.

Address:

Telephone

Came to the USA on 01/17/96 H.O. RS 1586

3) KHANG VO, DOB: 02/01/54. SS# [REDACTED] # 074491957

Address:

Telephone

Came to the USA on 06/14/95. H.O. 35

4) TRO NGUYEN, DOB: 02/27/43. SS# [REDACTED] A# 074460631.

Address:

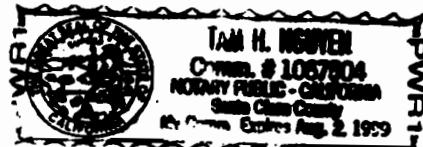
Telephone

Came to the USA on 09/21/94. H.O. 26

On the Date of Oct. 19, 1998

At SANTA CLARA County  
CALIFORNIA State

Notary Public: TAM H. NGUYEN



We imprisoned in the same communist re-education camp at BINH DIEN, THUA THIEN province from MAY 01, 1975. We all know exactly that BAO NGUYEN, was the former rank Navy of SOUTH VET NAM. He entered the camp of detention in communist Jail from Jun 14, 1975 to Nov. 15, 1978. Place of detention BINHDIEN camp, THUA THIEN province.

BAO NGUYEN is permitted to leave VET NAM for the USA according to the Orderly Departure Program (H.O.26). IV - 046 - 950.

He really needs our letter of verification to submit to the O.D.P. official in BANGKOK.

We guarantee that the foresight information is true.

Please be so kind of you to help our friend and his family to pertain the admittance as soon as possible.

Sincerely,

1) QUI TRAN:

2) GIAP MAI:

3) KHANG VO:

4) TRO NGUYEN:

Sangjose, 23-3-99.

Kính thưa Bà,

Trước hết tôi xin kính chúc Bà  
cùng quý quan khách nhiều an lành mâu thuẫn.

Sau đây xin kính gửi Bà Hồ  
của Anh Nguyễn Bảo là báu胎 với tôi cùng nết  
trai đã không được may mắn định cư ở Mỹ  
vì bị từ chối bởi nết việc chúc phong vân trong  
ngày 29-1-1994.

Từ đó đến nay, Anh Bảo cùng  
đã vài lần gửi đến tôi Văn phòng ODP xin  
tái xét nhưng không có kết quả.

Nay bao giờ có nết tôi viết thư  
nâ gởi kèm những giấy tờ cần thiết này để  
Bà để nết Bà giúp đỡ can thiệp với Sở Di trú  
xét lại trường hợp tang thương của Anh Nguyễn Bảo  
và gia đình của tôi.

Xin chân thành cảm ơn Bà kính  
muy được bà quan tâm giúp đỡ.

Kính thưa,  
Trần Quý

Tel :

The Director of the O.D.P  
American Embassy  
127 South Sathorn Tai Road  
Bangkok - 10120 - THAILAND.

June 24, 1998

c/o:

Re: Nguyen Bao. IV:046-950/H26-117  
Interviewed: Jan.29, 1994.

Dear Sir,

I would like to request a review of my case. I was denied admission to the U.S as a refugee on the ground that I do not meet the statutory definition of refugee in INA Section 101(a)42. The basis for my request for a review is that I was not aware of the special evidentiary procedure for implementing the Lautenberg Amendment, Section 599D of Public Law 101-167, for adjudication of the refugee status of Vietnamese citizens.

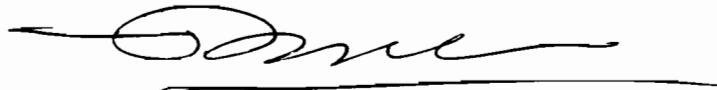
In accordance with the procedure established in the INS Guidelines for Overseas refugee Processing for the implementation of the Lautenberg Amendment, I state that :

1. I belong to the following Lautenberg categories:
  - Category b: I was part of the Armed Forces of South VietNam
  - Category c: I am catholic.
  - Category e: I was trained in the U.S (document enclosed).
  - Category f: I was re-educated after April 1975.
2. I assert that I have a fear of persecution.
3. I assert a "credible basis for concern" based on past persecution that I have experienced as follows:
  - I spent over 3 years in re-education camp (document enclosed)
  - I was forced to do dangerous work such as removing and disarming mines and bombs.
  - I was shadowed closely by the security and subjected to harassment for a long time.

Based on the above, I am requesting a review of my case under the Lautenberg Amendment. I was not aware of this statutory provision and therefore did not know that I had to make the above statements in the manner prescribed by the amendment.

I would like to pay our great thanks to you and look forward to your reply of the re-consideration of my case.

Sincerely Yours.



Nguyen Bao  
Thanh Son 1b,  
Thi tran Phuoc Buu  
Huyen Xuyen Moc  
Ba Ria-Vung Tau.  
VIETNAM.

enclosures.

THE IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE  
OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Dear/Kính gửi Nguyễn Bảo + wife IV# H26-171  
(OP applicant/Tên người dùng đơn)

1)  We regret we are unable to approve your application for refugee resettlement admission to the United States.

To be resettled in the United States as a refugee, an applicant must meet the statutory definition of refugee contained in section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA), as amended. Refugee status can be approved only if the applicant establishes a credible claim of persecution or a well-founded fear of persecution on account of race, religion, nationality, membership in a particular social group, or political opinion. Additionally, all applicants for refugee status in the United States must establish that they are not precluded from entry into the United States under other sections of law.

During your interview with an officer of the United States Immigration and Naturalization Service (INS), your claim to having been persecuted or having a well-founded fear of persecution was reviewed. At that time, you were given the opportunity to present evidence, documentation, and/or an accumulation of detail through verbal testimony of the events or circumstances that support your claim of persecution or a well-founded fear of persecution. After carefully reviewing your account of these events and surrounding circumstances, it has been determined that you do not qualify for refugee status.

2)  You may be eligible for Public Interest Parole (see attached letter).

3)  We are unable to approve your application for resettlement in the United States under the Public Interest Parole program because you do not meet the criteria indicated below:

3a)  Married sons and daughters (of former re-education camp detainees who are eligible as refugees) must have approved petitions filed on their behalf, or on behalf of their spouse, by a sibling or closer relation who is currently residing in the United States, who is willing to pay transportation costs, and who demonstrates that he/she has the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3b)  Former US government or private company employees who are not eligible for refugee status may be considered for public interest parole only if they have siblings or closer relations currently residing in the United States who are willing to pay transportation costs and demonstrate that they have the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3c)  Unmarried children of former US government or private company employees who are approved as Public Interest Parolees are allowed to accompany their parents to the United States only if the children are under the age of twenty-one.

3d)  Persecution not established

Officer of the US Immigration and Naturalization Service  
Viên Chức Sở Di Trú Nhập Cư Và Nhập Tịch Hoa Kỳ

Applicant Copy

DEPARTMENT OF STATE

2/1/92

Date/Ngày 11/1992

INS-1

Refugee/PIP denial (12/92)

Bangkok, Thailand  
Chương Trình Ra Đì Có Trật Tự

Ngày: 16/07/1998

Gửi đương đơn ODP:

Đơn xin định cư của Ông/Bà có trong hồ sơ với Chương Trình Ra Đì Có Trật Tự Hoa Kỳ (ODP) đã bị một viên chức của Sở Di Trú và Nhập Tịch Hoa Kỳ (INS) từ chối trong buổi phỏng vấn ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư này xin báo cho Ông/Bà biết rằng vì đơn xin của Ông/Bà đã bị từ chối, nên ODP không còn phụ trách việc cứu xét nữa. Hồ sơ và tất cả các giấy tờ liên quan đến đơn xin của Ông/Bà đã được chuyển cho Văn phòng Địa hạt INS tại Bangkok, Thailand.

Tất cả những thư từ trong tương lai liên quan đến đơn xin của Ông/Bà phải được gửi thẳng đến INS theo địa chỉ sau đây:

**US Immigration and Naturalization Service**  
93/1 Wireless Road  
Diethlem Tower B, Room 114/1  
Bangkok 10330 Thailand

Đính kèm là các giấy tờ bản chính, nếu có, từ hồ sơ của Ông/Bà. Các bản sao đã được lưu vào hồ sơ.

Trân trọng kính chào Ông/Bà

Dewey Pendergrass  
Giám Đốc và Trưởng Lãnh Sự  
Chương Trình Ra Đì Có Trật Tự Hoa Kỳ

BỘ NỘI VỤ  
TỔNG CỤC I  
CỤC HỒ SƠ AN NINH  
số: 750 /XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 1993

## GIẤY XÁC NHÂN

Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại Cục Hồ sơ an ninh - Bộ Nội Vụ  
Xét đơn đề nghị ngày 27/7/1933 của Ông: Nguyễn Bảo . . .

Cục Hồ sơ an ninh - Bộ Nội Vụ xác nhận:

- Ông : . NGUYỄN BAÓ. . . .

- Sinh ngày : . . . . . 1951 . . . . .

- Quê quán : . Phong Khê - Hướng dương - Bình trại Thiệu . . . .

- Trú quán : . Phước Bửu - Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu. . . .

- Cấp bậc, Chức vụ trong chế độ cũ: . Thủy thủ I . Nhátá. . . .

.....

- Đã học tập cải tạo tập trung từ ngày 14 tháng 6 năm 1975  
đến ngày 15 tháng 11 năm 1978

- Lý do học tập cải tạo : . Tham gia Chính quyền chế độ cũ.

KÝ TỰC TRƯỞNG CỤC HỒ SƠ AN NINH  
B. TRƯỞNG PHÒNG



BO TUC VU

TY C.A BINH TRI THIEN

Số: 283 /QĐ

CONG HOA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 1978

LENH - THA

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22 tháng 8 năm 1977  
của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đảng phái phẫn động hiện đang bị tập trung giáo dục cải tạo và thông tư liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07 ngày 29 tháng 12 năm 1977.

Thi hành quyết định thi số 2728/QĐ ngày 17 tháng 10 năm 1978 của ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Tri-Thanh.

TRƯỜNG TY CÔNG AN BINH TRI THIEN

Ra LENH - THA

Họ và tên: Nguyễn Bảo Bí danh:

Ngày tháng năm sinh: 1951

Quê quán: Trà Lú, Phong Thú, Huế, B.T.T  
Trú quán: (Hà)

Cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ: Nhân viên nhà tá n quân.

Khi về, phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, Công an xã Phong Thú và Công an huyện Phong Điền thuộc tỉnh B.T.T và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày trình diện này và phải tuân theo các quyết định của Ủy ban nhân dân cấp và việc cư trú và các mặt quan lý khác.

KẾ TRƯỞNG TY C.A BINH TRI THIEN  
PHÓ TRƯỞNG TY

Ngón tay phải



THÀNH ĐỊNH - HUẤN

CÔNG AN TỈNH THỦ THIÊM

Xác nhận linh thi của anh Nguyễn Bảo Anh năm 1951 là sao y  
chánh bản. Được ký vào trại cải tạo ngày 14-6-1975 về hối than  
gia trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ.

SAO Y BẢN CHÍNH

XUYÊN MỘC NGÀY 23-1-7-1975

Q. HỦ TỊCH



Quyền: 01  
Số: 2482

TL giao trả Cát Hồi Thủ Thiêm Hué



Tuân phong

Chết

CERTIFICATE OF GRADUATION

DENTAL TECHNICIAN

NAVMED 1510 ev. 1-72

NAME (last, first, middle initial)

MAJ. NGUYEN (CLASS A7310)

RATE SSN

SEAMAN RECRUIT 71A/707.001

ACTIVITY

NAVAL DENTAL CENTER, DENTAL TECHNICIAN

SAN DIEGO, CALIFORNIA

SCHOLARSHIP RECORD

S.	HOURS OF INSTRUCTION		GRADE %
	THEORY	PRACTICAL	
Basic Sciences	37	12	93.00
CASUALTY CARE	30	15	100
DENTAL ADMINISTRATION	31	25	100
DENTAL ASSISTANCE	26	114	43%
PRESVENTIVE DENTISTRY	16	20	14%
DENTAL RADIOGRAPHY	16	26	11%
<b>GRAND TOTAL</b>			<b>12</b>

CLASS STANDING 77 OF 124 FINAL GRADE 86.35

TEST SCORES	GCT	ARI	MECH	CLER
-------------	-----	-----	------	------

COMMANDING OFFICER

MAJ. A. K. WADDELL DG USN

DATE

20 APRIL 1973

NAVAL ADVISORY GROUP  
 UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM  
 FPO SAN FRANCISCO 96626

Date: 9 January 1973  
 ITO No. 000733

From: Chief, Naval Advisory Group, U.S. Military Assistance Command, Vietnam  
 To: SR BAO, Nguyen, 71A/707.001, VN Navy (ECL 81) NAVAL ADVISORY GROUP, MACV  
 Subj: Invitational Travel Orders  
 Ref: (a) OPNAVINST 4950.1E  
 (b) OPNAVINST 005510.48D  
 Encl: (1) Instructions pertaining to Invitational Travel Orders

BOX 8 (N73)  
 FPO SAN FRANCISCO 96626  
 1. Detached 23 JAN 1973

R. C. JONES  
 By direction

1. In accordance with the provisions of references (a) and (b), you are hereby authorized and invited to perform travel for the purpose(s) indicated below:

XX Report on or about 23 January 1973 to the ROBINSON HALL, CAMP ALFA, Tan Son Nhut AB, Republic of Vietnam, for transportation indicated.

XX For Air Transportation to CONUS.

2. Upon arrival at destination, report without delay to the first command listed for the training indicated. If subsequent training is indicated, you will report to each command, in the order listed, without delay.  
 (See enclosure (1) for leave training information)

YOU ARE SCHEDULED TO ATTEND THE FOLLOWING COURSE(S) OF INSTRUCTION:

WCN	Name of Course or Purpose of Instruction	Command and Location	Course Duration	Convening Date
126A	DT Basic Cl-A	NDENTAL TECH SCOL, SDIEGO	12 wks	29 JAN 73
126B.	DT Prosthetic Cl-C	NDENTAL SDIEGO	24 wks	23 APR 73

3. The records of this command indicated that you have received the following training in the United States.

WCN	Name of Course or Type of Instruction	Year Received	Completed Yes	Completed No
	None			

## 4. Accounting Data is as follows for Fiscal Year 1973:

## a. Reimbursements for Training

1731804.700A 000 55463 Ø 55463 2D 00126 000733 AFFAE  
 Estimated Reimbursible Cost for Training \$0.00

## b. Travel and Living Allowance

1731804.700A 000 55463 Ø 55463 2D 00126 000733 AFFCE  
 Estimated Travel and Living Allowance Cost \$1,480.00

c. Public Vouchers and travel authorizations prepared under these orders will cite ITO Number and Worksheet Control Number (WCN). All travel, living allowances and other support costs, such as medical expenses authorized, are chargeable as indicated above. Disbursing Officers are to consider personnel as in a temporary duty status and make payments in conjunction with regular paydays. Two certified copies of these orders will be endorsed indicating amount of payment and will be returned with a copy of the Public Voucher. Two certified copies will support the original and retained copies of the Travel Vouchers, DD Form 1351, which will be utilized to effect payment.

5. In accordance with reference (a), an ID Card (DD Form-1173) will be issued to each trainee by the first training activity upon arrival, to be collected and destroyed upon completion of authorized training.

## 6. Additional Instructions:

NOTE: Immediately on clearing customs and immigration at Travis AFB, you are to proceed to the Passenger Control Liaison Office (PCLO) for further instructions for your billeting and onward transportation.

Required ECL: 80	ECL Certified: 81	Expiration Date:
		10 NOVEMBER 1973
Security Clearance Certified: CONFIDENTIAL	WCN: 126	ITO: 000733

7. Acceptance of these orders indicates that you will comply with all applicable portions thereof, including those contained in enclosure (1) hereto.

R. C. JONES  
By direction

## Copy to:

CNO (OP-63)

(OP-942)

(OP-099)

CINCPACFLT (Code 634)

Chief Naval Training

CNTECHTRA (N351)

NAVSUPSYSCOM (01232)

NDENTAL TECH SCOL SDIEGO  
RVN MIL ATTACH WASHDC

CLASS ROSTER  
CLASS C-7304

\*\*\* HONORMAN, highest class average  
\*\* WITH DISTINCTION, second highest class average  
\* HONCRS, 90 or above class average

NEXT DUTY STATION

AGRA, Hermie O.	DT2	NAVAL DENTAL CLINIC, WASHINGTON, D. C.
ANDERSEN, Steven J.	DN	FORCE TROOPS, FMF LANT, HP: CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA
<u>BAO, Nguven</u>	SR	RETURN TO VIETNAM
BAREITHER, Emmanuel	DN	NAVAL SHIP YARD, BREMERTON, WASHINGTON
BAUER, James M.	DT3	MARINE CORPS BASE, CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA
BECKNER, Milton S.	DN	MARINE AIR GROUP 32 HP: BEAUFORT, SOUTH CAROLINA
DEVINNEY, Robert S.	DT3	MARINE AIR GROUP 32 HP: BEAUFORT, SOUTH CAROLINA
EPPS, James C.	DT3	FORCE TROOPS FMF LANT, HP: CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA
* ERICKSON, David M.	DT3	SECOND MARINE DIVISION, FMF LANT HP: CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA
ESPINOZA, Joseph T.	DT3	USS JASON (AR-8) HP: SAN DIEGO, CALIFORNIA
* FELTON, Rufus E.	DN	NAVAL TRAINING CENTER, GREAT LAKES, ILLINOIS
FRISBIE, Dennis L.	DT3	NAVAL AIR STATION, MEMPHIS, TENNESSEE
GIECKO, Gerald J.	DT3	USS KITTY HAWK (CV-63) HP: SAN DIEGO, CA
GOODMAN, John D.	DN	USS SPERRY (AS-12) HP: SAN DIEGO, CA
HEIN, Rory R.	DN	NAVAL SHIP YARD, PORTSMOUTH, VIRGINIA
** HRITZ, Donald E.	DT1	U. S. NAVAL DENTAL CLINIC, GUANTANAMO BAY, CUBA
HUNT, Earl	DT2	NAVAL HOSPITAL, PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA
KNIEJSKI, Michael E.	DN	SECOND MARINE AIR WING HP: CHERRY POINT, NORTH CAROLINA
LOEBACK, Richard H.	DA	NAVAL DENTAL CLINIC, WASHINGTON, D. C.
MCMAKEN, Robert M.	DN	THIRD MARINE DIVISION, FMF PAC HP: OKINAWA, JAPAN
*** MCMANNIS, Mark A.	DN	NAVAL AIR STATION, WHIDBEY ISLAND, WASHINGTON
* PATTEN, Steven L.	DA	NAVAL DENTAL CENTER, SAN DIEGO, CALIFORNIA
PEVNY, Larry L.	DA	USS CORAL SEA (CVA-43) HP: ALAMEDA, CA
PRUITT, Richard J.	DN	NAVAL AIR STATION, LAKEHURST, NEW JERSEY
SHEEHAN, Dennis P.	DN	USS PRAIRIE (AD-15) HP: LONG BEACH, CA
SHEPHERD, Ray V.	DT3	SECOND MARINE DIVISION, FMF LANT HP: CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA
VARNER, Carol L.	DN	NAVAL AIR STATION, OCEANA, VIRGINIA
WALLUCK, Christopher B.	DA	THIRD MARINE DIVISION, FMF PAC HP: OKINAWA, JAPAN
WEIDNER, Ricky L.	DN	MARINE CORPS AIR STATION, EL TORO, CA

THE  
COMMANDING OFFICER  
REAR ADMIRAL A.K. KAIRES  
DC USN



SCHOOL DIRECTOR  
CAPTAIN H.C. PEBLEY  
DC USN

DENTAL TECHNICIANS SCHOOL  
GRADUATION EXERCISE

DEPARTMENT OF THE NAVY. +. BUREAU OF MEDICINE AND SURGERY.  
THE UNITED STATES OF AMERICA.

THIS IS TO CERTIFY THAT.

SR. NGUYEN BAO VIETNAMESE NAVY, 71/707 201

HAS SUCCESSFULLY COMPLETED.

TWELVE WEEKS TRAINING IN DENTAL ASSISTANT BASIC,  
CLASS "A" AT THE NAVAL DENTAL CENTER; NAVAL STATION;  
SAN DIEGO, CALIFORNIA.

29 JANUARY 1973 TO 20 APRIL 1973

(KÝ TÊN)

SURGEON GENERAL. US.NAVY.

(KÝ TÊN)

COMMANDING OFFICER

VIEU-MAI CHI-HOA

BO QUOC-PHONG

BO TONG UYAM MUU. QLVNCH

HAI-QUAN

BO TU-LINH

TRUNG-SAM HANH-CHANH HAI-QUAN



*Bo Quoc-Phong*

4

rector of the O.D.P  
erican Embassy.

th Sathorn Tai Road.  
- 10120 - Thailand.

Date : 3 February 1994.

NGUYEN PAO - HO. List: 26/117  
Interviewed: Jan.29,1994.

Dear Sir,

I am writing to appeal the decision reached at the above interview where I was refused permission to resettle in the United States. The reason for this judgement was "persecution not established."

With respect, I believe that decision reflected an inadequate consideration of my case. I would like here, and in supporting statements, to present the evidence and formally request a re-consideration of my case.

Prior to 1975, I was a low-ranking soldier (1st Seaman) in the Republic of Vietnam Armed Forces. However, due to my close cooperation with the United States Government since 1968, my religious affiliations (I was the head of the Catholic Youth in my parish) and the fact that "I had been trained in the U.S" (San Diego, CA. 1973). I was treated by the authorities as a "high-ranking officer". As a result my property was seized (4 ha. of paddy field) and I was arrested and sent to dangerous places to remove and disarm mines and bombs (from June 14, 1975). I was then sent to a reeducation camp in Hue (April 26, 1976). The total time was three year and five months. You are no doubt aware that the low-ranking soldiers were not normally treated this way.

After the time in the reeducation camp, most of the reeducationers recovered their citizenship in 6 to 12 months. But my citizenship was refused for three years. The first two years, I had to present to the local police (village and district) weekly and then monthly. And the third year, even the restrictions had eased a bit, I still was refused permission to leave my village.

I was in December 1981 worried that I would be arrested and put in the reeducation camp again. I had to find the way to escape to the South, moving around very rural places, trying to evade the authorities in the New-Economic zones that have inhabitants from all over places in Vietnam in order to work and to survive. Finally, I chose Xuyen-Moc, a very remote rural area in Dong-Nai province, now part of BaRia-VungTau province, 150 km from Saigon, so that no one could reveal my status, even though our living condition in this place at that time was so severe. It was only in 1986 that I could have an I.D. card and Family Certificate to become a real citizen.

We did not have the financial condition to escape overseas as the "boat-people" like many others, though, a friend of mine, an American, and also my supervisor during the time I work for USAID/CORDS Thua Thien-Hue (1969-1970) mentioned in his letters that he would support me.

After a long time (8 years) in Xuyen-Moc New-Economic zone, my background was revealed. I was then shadowed very closely by the district and province police. Of course, this affected very much to my life and my family. The difficulties suffered by myself and my family were repeatedly witnessed by Representatives of the Australian development aid organization COMMUNITY AID ABROAD- FREEDOM FROM HUNGER. They have been very willing to provide you with independent accounts of my persecution from 1990 until the present day. I believe these supportive statements will affirm my claim of the continual persecution.

When knowing about the Orderly Departure Program of the United States Government, I still suspected, I feared that it was a trap of the authorities. Moreover, I thought that I did not meet the criteria of the Program, just because I was a low-ranking soldier.

When knowing exactly about the Humanitarian Policy (O.D.P) of the U.S Government, I came to believe that I met all the criteria. That is: Every political prisoner who had three years in reeducation camps or one year in camps plus the time, no matter the duration, been trained in the U.S, under the sponsor of the U.S Government... I and my family have believed deeply in our hearts about this Humanitarian Program. Therefore, we did not regret anything, even our house, in order to meet the costs of the registration and application.

During the interview, I did tell the U.S-INS officer about all of above matters. However, I think it's so abstract when talking about the persecution but having nothing to certify. We hardly can present any of written evidences, except for the Release Order.

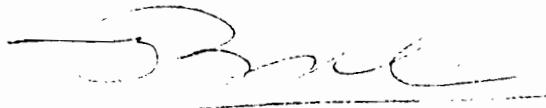
I swear that I am a real victim of this regime, and that our will to depart is not for the economical purpose, but just only want to find a real freedom in mind, in spirits and in politics, in order to avoid this stuffy atmosphere that I have been enduring.

I swear that all of the above matters are true and have been written and typed by myself (not through any translating agencies). Therefore, I am sure that it still has a lot of mistakes, especially, in my English. I wish for your sympathy and your reconsideration for my case.

I and my family would like to pay our great appreciation to you.

I look forward to your response.

Sincerely yours.



NGUYEN BAO  
HO. List: 26/117  
Thanh Son 1b,  
Phuoc Buu, Huyen Moc,  
Ba Ria - Vung Tau.  
VIETNAM.

**Pages Removed (S.S.)**

1 page(s) was/were removed from the file of NGUYEN BAD  
(1951) due to containing Social Security numbers. The page(s) was/were copied with the Social Security numbers covered up. The copy/copies was/were placed back into the above mentioned file and the original(s) was/were placed into the Restricted/Reserved files.

-Anna Mallett

Date: MARCH 27<sup>th</sup> 2008